

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

MST: 0900613295

===== * * * =====

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

NĂM 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		511,111,439,917	373,451,473,595
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	10,653,483,106	2,413,161,764
1. Tiền	111		2,235,718,188	2,413,161,764
2. Các khoản tương đương tiền	112		8,417,764,918	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		284,917,291,593	180,071,276,232
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	264,853,975,944	144,731,628,576
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	25,847,723,397	40,617,257,375
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.04	-	-
6. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136	V.05a	170,307,004	170,307,004
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.06	(5,954,714,752)	(5,447,916,723)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.07	214,286,000,314	189,308,570,558
1. Hàng tồn kho	141		214,286,000,314	189,308,570,558
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1,254,664,904	1,658,465,041
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10a	599,355,421	156,790,422
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		598,342,818	1,444,707,954
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		56,966,665	56,966,665
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		194,873,681,911	199,317,367,201
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		14,540,000,000	15,000,000,000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh của các đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.05b	14,540,000,000	15,000,000,000

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021
 (Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
II. Tài sản cố định	220		67,403,376,710	72,622,392,861
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	64,770,543,145	69,381,982,316
- Nguyên giá	222		129,746,143,328	131,860,358,313
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(64,975,600,183)	(62,478,375,997)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		2,632,833,565	3,240,410,545
- Nguyên giá	225		4,860,615,825	4,860,615,825
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	226		(2,227,782,260)	(1,620,205,280)
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230	V.09	56,654,844,987	56,654,844,987
- Nguyên giá	231		56,654,844,987	56,654,844,987
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.11	2,256,855,450	700,000,000
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		2,256,855,450	700,000,000
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.12	53,003,533,569	53,003,533,569
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		53,003,533,569	53,003,533,569
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1,015,071,195	1,336,595,784
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10b	1,015,071,195	1,336,595,784
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		705,985,121,828	572,768,840,796

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021
 (Tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		374,693,900,449	245,856,009,573
I. Nợ ngắn hạn	310		373,662,650,449	244,412,259,573
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	155,559,565,070	31,801,895,235
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	1,466,631,300	705,701,109
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	4,541,302,267	757,349,219
4. Phải trả người lao động	314		337,546,003	264,293,000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	219,067,336	326,212,388
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	30,320,000	25,763,000
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	211,230,205,623	210,531,045,622
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		278,012,850	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại Trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		1,031,250,000	1,443,750,000
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		1,031,250,000	1,443,750,000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021
 (Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		331,291,221,379	326,912,831,223
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	331,291,221,379	326,912,831,223
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		255,000,000,000	255,000,000,000
- Ngân sách	411A		-	-
- Tự bổ sung	411B		255,000,000,000	255,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		556,025,698	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		75,735,195,681	71,912,831,223
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		63,013,796,175	66,352,574,239
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		12,721,399,506	5,560,256,984
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		705,985,121,828	572,768,840,796

Hưng Yên, ngày 20 tháng 07 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng



5

KẾ TOÁN TRƯỞNG
Cao Thị Hải Yến

Trần Duy Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: Thôn Tứ Mỹ, xã Phùng Chí Kiên, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên.

Báo cáo tài chính
Quý II năm 2021

**BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**
Quý II năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý này năm nay	Quý này năm trước	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	252,634,477,695	245,006,398,063	590,116,300,657	451,202,505,152
2. Các khoản giảm trừ	02		18,235,490	162,676,482	187,866,480	196,628,874
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		252,616,242,205	244,843,721,581	589,928,434,177	451,005,876,278
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	233,196,813,664	236,420,703,151	559,671,486,697	436,348,441,585
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		19,419,428,541	8,423,018,430	30,256,947,480	14,657,434,693
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	68,349,316	3,896,334,791	77,389,544	4,668,594,021
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	4,721,905,399	6,141,731,196	9,145,079,901	9,727,515,479
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4,286,999,102	6,030,923,969	8,710,173,604	9,616,708,252
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	457,362,113	644,222,531	893,985,189	1,380,395,309
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	1,799,202,924	1,365,787,916	3,757,880,931	2,757,245,238
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		12,509,307,421	4,167,611,578	16,537,391,003	5,460,872,688
11. Thu nhập khác	31	VI.7	10,364,965	57,460,178	10,589,856	63,148,330
12. Chi phí khác	32	VI.8	286,924,417	1,134,589,079	437,818,641	1,138,755,185
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(276,559,452)	(1,077,128,901)	(427,228,785)	(1,075,606,855)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		12,232,747,969	3,090,482,677	16,110,162,218	4,385,265,833
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	2,483,323,972	876,788,594	3,304,762,712	1,136,578,446
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: Thôn Tứ Mỹ, xã Phùng Chí Kiên, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên.

Báo cáo tài chính
Quý II năm 2021

17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60	9,749,423,997	2,213,694,083	12,805,399,506	3,248,687,387
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V.19e	86.81	502.17	127.40
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10			

Hung Yên, ngày 20 tháng 07 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc

KẾ TOÁN TRƯỞNG
Cao Thị Hải Yến



Trần Duy Cường

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 Theo phương pháp gián tiếp
 Quý II năm 2021

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
		Lũy kế từ đầu năm đến năm nay	cuối kỳ này Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		2,001,194,180	95,300,413,315
1. Lợi nhuận trước thuế		12,232,747,969	3,090,482,677
2. Điều chỉnh cho các khoản		8,109,191,091	3,999,581,141
+ Khấu hao tài sản cố định		2,768,209,863	2,826,410,498
+ Các khoản dự phòng		506,798,029	
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái		434,906,297	(113,373,006)
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư		112,277,800	(3,756,921,016)
+ Chi phí lãi vay		4,286,999,102	5,043,464,665
3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		20,341,939,060	7,090,063,818
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu		(4,195,841,178)	122,400,169,586
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho		(19,804,823,074)	68,329,346,316
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả		11,058,168,808	(98,150,047,254)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước		(491,546,130)	1,085,908,086
- Tiền lãi vay đã trả		(4,632,259,299)	(5,263,027,237)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(22,444,007)	(192,000,000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		(252,000,000)	
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		2,001,194,180	95,300,413,315
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		68,349,316	(98,215,531,783)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác			(100,000,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		68,349,316	1,999,340,000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		-	(214,871,783)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		(105,172,819)	649,787,491
3. Tiền thu từ đi vay		94,065,489,480	40,691,325,140
4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(93,964,412,299)	(39,835,287,649)
5. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính		(206,250,000)	(206,250,000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(7,896,996,500)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		1,964,370,677	(2,265,330,977)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(5,932,625,823)	(2,265,330,977)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		16,586,108,929	18,368,970,972
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		10,653,483,106	16,103,639,995

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hưng Yên, ngày 20 tháng 07 năm 2021

Tổng Giám đốc




KẾ TOÁN TRƯỞNG
 Cao Thị Hải Yến

Trần Duy Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: TDP Tứ Mỹ, Phường Phùng Chí Kiên, TX. Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH **Quý II năm 2021**

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là:

- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Bán buôn các loại sắt thép.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 54 nhân viên đang làm việc

II. NĂM TÀI CHÍNH. ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam. Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: TDP Tứ Mỹ, Phường Phùng Chí Kiên, TX. Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam. Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển – Chi nhánh Thanh Xuân (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: TDP Từ Mỹ, Phường Phùng Chí Kiên, TX. Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển – Chi nhánh Thanh Xuân (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: TDP Tứ Mỹ, Phường Phùng Chí Kiên, TX. Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ dụng cụ. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 24 tháng.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 – 50
Máy móc và thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 – 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 06
Tài sản cố định khác	03 – 05

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: TDP Tứ Mỹ, Phường Phùng Chí Kiên, TX. Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí. trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính giữa niên độ các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Công ty phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: TDP Tứ Mỹ, Phường Phùng Chí Kiên, TX. Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

13. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

14. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản mà Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: TDP Tứ Mỹ, Phường Phùng Chí Kiên, TX. Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua. Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Trường hợp khách hàng có quyền hoàn thiện nội thất của bất động sản và Công ty thực hiện việc hoàn thiện nội thất của bất động sản theo đúng thiết kế, mẫu mã, yêu cầu của khách hàng theo một hợp đồng hoàn thiện nội thất bất động sản riêng thì doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành, bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

15. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh hàng bán trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ này.
- Nếu khoản trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ sau.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: TDP Tứ Mỹ, Phường Phùng Chí Kiên, TX. Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	352.840.700	325.411.691
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.882.877.488	2.087.750.073
Các khoản tương đương tiền	8.417.764.918	
Cộng	10.653.483.106	2.413.161.764

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng:

<i>Phải thu các bên liên quan</i>	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu các khách hàng</i>		
Cộng	264.853.975.944	144.731.628.576

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước cho người bán khác</i>		
Cộng	25.847.723.397	40.617.257.375

4. Phải thu khác:**a. Phải thu ngắn hạn khác:**

<i>Phải thu các bên liên quan</i>	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tạm ứng	0	0
Ký quỹ, ký cược	170.307.004	170.307.004
Các khoản phải thu ngắn hạn khác		
Cộng	170.307.004	170.307.004

b. Phải thu dài hạn khác:

<i>Phải thu các bên liên quan</i>	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu khác		
Cộng	14.540.000.000	15.000.000.000

5. Nợ xấu

<i>Các bên liên quan</i>	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>				
Dư Nợ 131	487.104.409	234.904.173	487.104.409	243.552.204
Công ty CP Đức Dương Việt Nam	443.864.265	221.932.132	443.864.265	221.932.132
Công ty TNHH Cơ khí chính xác Tân Minh Ngọc	43.240.144	12.972.041	43.240.144	21.620.072
Dư nợ 331	230.256.155	115.128.078	230.256.155	115.128.077
Công ty CP Cơ điện và PCC Thái Dương	230.256.155	115.128.077	230.256.155	115.128.077
Cộng	717.360.564	350.032.252	717.360.564	856.830.281

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: TDP Tứ Mỹ, Phường Phùng Chí Kiên, TX. Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Hàng tồn kho

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	1.070.220.933	1.097.465.711
Công cụ, dụng cụ	57.728.227	398.473.067
Thành phẩm	5.476.182.904	10.332.375.079
Hàng đang đi đường	3.714.779.510	0
Hàng hóa	203.967.088.740	177.480.256.701
Cộng	214.286.000.314	189.308.570.558

7. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

7a. Chi phí trả trước ngắn hạn

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	239.413.991	83.752.428
Tiền thuê đất năm 2021	287.128.800	
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	72.812.630	73.037.994
Cộng	599.355.421	156.790.422

7b. Chi phí trả trước dài hạn

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	502.612.798	1.127.809.667
Chi phí sửa chữa		
Các chi phí trả trước dài hạn khác	512.458.397	208.786.117
Cộng	1.015.071.195	1.336.595.784

8. Tài sản dở dang dài hạn

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Xây dựng cơ bản dở dang	2.047.843.802	700.000.000
Công trình dự án Nhà hàng – Khách sạn	2.047.843.802	700.000.000
Sửa chữa lớn TSCĐ	209.011.648	
Máy cắt tấm	209.011.648	0
Cộng	2.256.855.450	700.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: TDP Từ Mỹ, Phường Phường Chí Kiên, TX. Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	67.591.873.854	55.971.585.479	7.441.862.727	293.308.980	561.727.273	131.860.358.313
Tăng trong kỳ (tăng do mua sắm)						
Giảm trong kỳ (giảm do thanh lý TSCĐ)	(55.170.000)	(1.505.127.712)	(496.500.000)		(57.417.273)	(2.114.214.985)
Số cuối kỳ	67.536.703.854	54.466.457.767	6.945.362.727	293.308.980	504.310.000	129.746.143.328
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng						
Chờ thanh lý						
Giá trị hao mòn						
Số đầu kỳ	17.632.127.250	40.589.405.328	5.660.106.365	293.308.980	477.675.607	64.652.623.530
Khấu hao	730.325.970	1.166.695.072	263.612.841		2.160.633.883	2.160.633.883
Giảm khấu hao	(55.170.000)	(1.228.569.957)	(496.500.000)		(57.417.273)	(1.837.657.230)
Số cuối kỳ	18.307.283.220	40.527.530.443	5.427.219.206	293.308.980	420.258.334	64.975.600.183
Giá trị còn lại						
Số đầu kỳ	50.690.072.574	16.562.488.873	2.045.369.203		84.051.666	69.381.982.316
Số cuối kỳ	49.229.420.634	13.938.927.324	1.518.143.521	-	84.051.666	64.770.543.145

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: TDP Tứ Mỹ, Phường Phùng Chí Kiên, TX. Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá	Số cuối kỳ	Giảm trong kỳ	Tăng trong kỳ	Số đầu năm
Nguyên giá	56.654.844.987	-	-	- 56.654.844.987
- Quyền sử dụng đất (*)	56.654.844.987	-	-	- 56.654.844.987
Giá trị hao mòn				
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Giá trị còn lại	56.654.844.987	-	-	- 56.654.844.987
- Quyền sử dụng đất	56.654.844.987	-	-	- 56.654.844.987

Danh mục bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

Bất động sản đầu tư	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Quyền sử dụng đất thửa đất số 197, tờ bản đồ số 79 tại Đà Nẵng . diện tích 1052.2 m ² (1)	25.073.061.987	-	- 25.073.061.987
Quyền sử dụng đất thửa đất số 99, tờ bản đồ số 61 tại Đà Nẵng . diện tích 2002.9 m ² (2)	31.581.783.000	-	- 31.581.783.000
Cộng	56.654.844.987	-	- 56.654.844.987

(1) Là quyền sử dụng Thửa đất số 18 tờ bản đồ số 758 (nay là thửa đất số 197 tờ bản đồ số 79) tại Lô B7 Khu phức hợp đô thị, thương mại dịch vụ cao tầng và căn hộ đầu tuyến Sơn Trà - Điện Ngọc, phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng căn cứ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 645774, số vào sổ cấp GCN: CT01687 do Ủy ban nhân dân Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 27 tháng 11 năm 2010 cho Công ty Cổ phần bất động sản Phương Trang, đã đăng ký chuyển nhượng cho Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh theo hồ sơ số 001687.CN.006 ngày 17/01/2017 tại Văn phòng đất đai Thành phố Đà Nẵng.

(2) Là quyền sử dụng Thửa đất số 2 tờ bản đồ số A2-1 (nay là thửa đất số 99 tờ bản đồ số 61) tại Tổ hợp trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê, nhà ở cao tầng và biệt thự cao cấp Sơn Trà - Điện Ngọc, thuộc dự án Khu tái định cư đầu tuyến Sơn Trà - Điện Ngọc, phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, Đà Nẵng căn cứ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 992090, số vào sổ cấp GCN: CT09442 do Ủy ban nhân dân Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 04 tháng 10 năm 2011 cho Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển hạ tầng Thăng Long, đã đăng ký chuyển nhượng cho Công ty cổ phần Quốc tế Phương Anh theo hồ sơ số 009442.CN.509 ngày 29/07/2016 tại Văn phòng đất đai Thành phố Đà Nẵng. Bất động sản đầu tư này đang được thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - CN Hà Nội.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: TDP Tứ Mỹ, Phường Phùng Chí Kiên, TX. Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư tài chính dài hạn	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Đầu tư góp vốn vào công ty liên doanh liên kết</i>	53.003.533.569	-	-	-
Công ty CP Khách sạn Vườn Đào Hạ Long	53.003.533.569	-	-	-

Tại thời điểm 30/06/2021. Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh nắm giữ 4.500.000 cổ phần tương ứng 45% vốn điều lệ công ty Cổ phần Khách sạn Vườn Đào Hạ Long.

12. Phải trả người bán ngắn hạn

Chi tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả người bán ngắn hạn</i>	155.559.565.070	31.801.895.235

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Chi tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	-	-
<i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</i>	1.466.631.300	705.701.109

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Thuế và các khoản phải nộp	Số cuối kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số đầu năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng nhập khẩu		23.829.364	19.564.490	19.564.490	-	23.829.364
Thuế xuất. nhập khẩu		33.137.301			-	33.137.301
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.052.006.517		3.232.074.744	884.724.657	631.968.462	
Thuế thu nhập cá nhân	407.774.825		387.974.825		19.800.000	-
Thuế nhà đất	861.386.400		1.159.916.392	298.529.992	-	
Phí. lệ phí và các khoản phải nộp khác	220.134.525		118.553.768	4.000.000	105.580.757	-
Cộng	4.541.302.267	56.966.665	4.918.084.219	1.206.819.139	757.349.219	56.966.665

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Hàng xuất khẩu	0%
Bán hàng hóa. dịch vụ	10%

Thuế xuất. nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: TDP Tứ Mỹ, Phường Phường Chí Kiên, TX. Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

15. Phải trả ngắn hạn khác

a. Chi phí phải trả ngắn hạn:

<i>Phải trả các bên liên quan</i>	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí phải trả	219.067.336	326.212.388

b. Chi phí phải trả ngắn hạn khác:

<i>Phải trả các bên liên quan</i>	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>		
Kinh phí công đoàn	25.841.000	25.133.000
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	4.479.000	630.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	0	0
Cộng	30.320.000	25.763.000

16. Vay và nợ thuê tài chính:

a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn:

Vay ngắn hạn ngân hàng	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn ngân hàng				
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Hà Nội (1)	119.919.935.713	119.919.935.713	118.572.444.078	118.572.444.078
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Vĩnh Phúc (2)	90.485.269.910	90.485.269.910	91.133.601.544	91.133.601.544
Vay ngắn hạn các cá nhân khác			-	-
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả	412.500.000	412.500.000	825.000.000	825.000.000
Cộng	212.261.455.623	212.261.455.623	211.974.795.622	211.974.795.622

(1) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt – Chi nhánh Hà Nội, theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số HDTD1002020198 ngày 06 tháng 11 năm 2020. Hạn mức tín dụng 120.000.000.000 VNĐ, mục đích để bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, phát hành L-C và chiết khấu bộ chứng từ hàng xuất để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay có thời hạn 01 năm kể từ ngày 06/11/2020 đến hết ngày 05/11/2020, lãi suất cho vay được quy định cụ thể trên từng kế ước nhận nợ.

(2) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội - Chi nhánh Vĩnh Phúc theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 33/2021/HDHM-PN/SHB.112500 ngày 26 tháng 02 năm 2021 Hạn mức tín dụng 100.000.000.000 VNĐ, mục đích để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: TDP Tứ Mỹ, Phường Phùng Chí Kiên, TX. Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

đồng kinh doanh thép các loại. Khoản vay có thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày 26/02/2021 đến hết ngày 26/02/2022. lãi suất cho vay được quy định cụ thể trên từng khế ước nhận nợ.

Chi tiết vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

Vay ngắn hạn ngân hàng	Số cuối kỳ	Số có khả năng trả nợ	Số đầu năm
<i>Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Hà Nội (1)</i>	119.919.935.713	119.919.935.713	118.572.444.078
<i>Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Vĩnh Phúc (2)</i>	90.485.269.910	90.485.269.910	91.133.601.544
Cộng	210.405.205.623	210.405.205.623	209.706.045.622

b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn:

Nợ thuê tài chính	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (4)</i>	1.443.750.000	1.443.750.000	1.443.750.000	1.443.750.000
Cộng	1.443.750.000	1.443.750.000	1.443.750.000	1.443.750.000

(iii) Là khoản vay Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam theo Hợp đồng cho thuê tài chính số 39.19.03/CTTC ngày 29 tháng 08 năm 2019. Tài sản thuê: Máy xén quay MINI ROTARY SHEAR MACHINE 2.0(2.3)t x 600w x 5ton, nhãn hiệu AMADA, xuất xứ Nhật Bản, sản xuất năm 2010, chất lượng đã qua sử dụng và phụ kiện kèm theo.

- Mục đích sử dụng phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tổng giá trị tài sản: 5.346.677.408 VNĐ bao gồm VAT, số tiền trả trước 2.046.677.408 VNĐ.

- Giá trị nợ thuê gốc: 3.300.000.000 VNĐ.

- Thời hạn cho thuê 48 tháng.

- Lãi suất cho thuê được áp dụng từ thời điểm bên cho thuê giải ngân khoản tiền đầu tiên cho Công ty Cổ phần quốc tế Phương Anh và được điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần. Lãi suất áp dụng lãi suất cơ bản VNĐ do Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố cộng biên độ 2.2%/năm. Thanh toán đều theo chu kỳ: nợ gốc 3 tháng/lần, nợ lãi 3 tháng/lần.

- Số dư nợ gốc còn phải trả cuối kỳ: 1.856.250.000 VNĐ.

Chi tiết phát sinh của các khoản vay và nợ thuê tài chính như sau:

Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	Số cuối kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số đầu năm
Vay dài hạn	1.856.250.000	412.500.000		2.268.750.000
Cộng	1.856.250.000	412.500.000		2.268.750.000

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: TDP Tứ Mỹ, Phường Phùng Chí Kiên, TX. Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm	255.000.000.000	63.013.796.175	318.013.796.175
Lợi nhuận Quý II	-	12.721.399.506	12.721.399.506
Quỹ đầu tư phát triển		556.025.698	556.025.698
Số dư cuối kỳ này	255.000.000.000	76.291.221.379	331.291.221.379

b) Cổ phiếu

Cổ phiếu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	25.500.000	25.500.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	25.500.000	25.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	25.500.000	25.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	25.500.000	25.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	25.500.000	25.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

18. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Chỉ tiêu	Lũy kế quý II năm 2021	Lũy kế quý II năm 2020
Doanh thu bán hàng hóa	586.284.863.149	447.556.331.365
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.559.528.416	2.395.536.683
Doanh thu khác	271.909.092	1.250.637.104
Cộng	590.116.300.657	451.202.505.152

19. Các khoản giảm trừ doanh thu

Chỉ tiêu	Lũy kế quý II năm 2021	Lũy kế quý II năm 2020
Hàng bán bị trả lại	169.612.720	196.628.874
Giảm giá hàng bán	18.253.760	
Cộng	187.866.480	196.628.874

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: TDP Tứ Mỹ, Phường Phùng Chí Kiên, TX. Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

20. Giá vốn hàng bán

Chỉ tiêu	Lũy kế quý II năm 2021	Lũy kế quý II năm 2020
Giá vốn của hàng hóa đã bán	555.828.984.103	433.334.361.236
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	3.842.502.594	3.014.080.349
Giá vốn bất động sản đầu tư đã bán		
Cộng	559.671.486.697	436.348.441.585

21. Doanh thu hoạt động tài chính

Chỉ tiêu	Lũy kế quý II năm 2021	Lũy kế quý II năm 2020
Lãi tiền gửi ngân hàng	77.389.544	47.387.446
Lãi bán các khoản đầu tư		4.474.533.569
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ		33.300.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại		113.373.006
Cộng	77.389.544	4.668.594.021

22. Chi phí tài chính

Chỉ tiêu	Lũy kế quý II năm 2021	Lũy kế quý II năm 2020
Chi phí lãi vay	8.710.173.604	9.616.708.252
Chiết khấu thanh toán. lãi mua hàng trả chậm		110.807.227
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	434.906.297	
Cộng	9.145.079.901	9.727.515.479

23. Chi phí bán hàng

Chỉ tiêu	Lũy kế quý II năm 2021	Lũy kế quý II năm 2020
Chi phí cho nhân viên	355.294.000	668.755.000
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	160.612.631	116.141.666
Chi phí nguyên vật liệu	90.205.997	
Chi phí khấu hao tài sản cố định	235.021.134	235.021.134
Chi phí dịch vụ mua ngoài	52.851.427	349.302.509
Chi phí bằng tiền khác		11.175.000
Cộng	893.985.189	1.380.395.309

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: TDP Tứ Mỹ, Phường Phùng Chí Kiên, TX. Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

24. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chỉ tiêu	Lũy kế quý II năm 2021	Lũy kế quý II năm 2020
Chi phí cho nhân viên	629.838.000	876.501.523
Chi phí đồ dùng văn phòng	12.977.636	292.882.615
Chi phí công cụ dụng cụ	482.038.275	
Chi phí khấu hao tài sản cố định	552.276.600	649.634.172
Thuế, phí và lệ phí	761.861.634	20.951.192
Chi phí dịch vụ mua ngoài	807.004.757	888.990.895
Chi phí bằng tiền khác	5.086.000	28.284.841
Trích lập dự phòng	506.798.029	
Hoàn nhập dự phòng		
Cộng	3.757.880.931	2.757.245.238

25. Thu nhập khác

Chỉ tiêu	Lũy kế quý II năm 2021	Lũy kế quý II năm 2020
Thu nhập khác	10.589.856	63.148.330
Cộng	10.589.856	63.148.330

26. Chi phí khác

Chỉ tiêu	Lũy kế quý II năm 2021	Lũy kế quý II năm 2020
Tiền phạt thuế, phí lệ phí		837.816.715
Chi phí khác	255.860.886	174.860.971
Chi phí khấu hao, chi phí không hợp lệ		126.077.499
Lỗi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	181.957.755	
Cộng	437.818.641	1.138.755.185

27. Lãi trên cổ phiếu*Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu*

Chỉ tiêu	Lũy kế quý II năm 2021	Lũy kế quý II năm 2020
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	12.805.399.506	3.248.687.387
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	25.500.000	25.500.000
Lãi cơ bản/ trên cổ phiếu	502	127

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHƯƠNG ANH

Địa chỉ: TDP Tứ Mỹ, Phường Phùng Chí Kiên, TX. Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt:

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

1b. Giao dịch và số dư với bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác

Công ty không có công nợ với bên liên quan khác.

2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lập ngày 20 tháng 7 năm 2021

Người lập biểu

Cao Thị Hải Yến
Kế toán trưởng



Trần Duy Cường
Tổng Giám đốc